TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TP** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **53**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2018 V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Văn Phi**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Trọng Lâm**.

2. Ông **Nguyễn Văn Hải**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Luật** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện TP, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2018/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018, về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Vũ Thị Kim TH**; sinh năm 1992

Địa chỉ: Số nhà 159, Tổ 2, Ấp 3, xã Núi Tượng, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

Nơi ở hiện tại: Thôn 16, xã Trực Đạo, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: **Anh Mai Xuân V** ; sinh năm 1988

Địa chỉ: Số nhà 159, Tổ 2, Ấp 3, xã Núi Tượng, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(*Tại phiên tòa có mặt bị đơn; vắng mặt nguyên đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 17/7/2018, chị Vũ Thị Kim TH viết đơn khởi kiện anh Mai Xuân V tại Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Trong đơn khởi kiện, chị TH yêu cầu ly hôn với anh V. Về các nội dung khác như con chung, tài sản chung, nợ chung thì chị TH kê khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày của chị TH trong quá trình tố tụng tại Tòa án thể hiện:

Chị TH và anh Mai Xuân V tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới kết hôn. Hôn nhân của anh chị được Uỷ ban nhân dân xã Núi Tượng, huyện TP cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/10/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình cha mẹ của anh V tại địa chỉ số 159 tổ 2, ấp 3, xã Núi Tượng, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Chị và anh V sống chung được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do anh V có hành vi đánh đập chị, vì lý do này chị TH đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở tại địa chỉ thôn 16, xã Trực Đạo, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định để sinh sống cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng ly thân giữa chị và anh V không có thông tin liên lạc và không còn sự quan tâm với nhau như trước nữa. Nay chị TH nhận thấy tình cảm của chị đối với anh V không còn, nếu có tiếp tục sống chung thì cũng không có hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Xuân V .

Chị và anh V không có con chung, không có sản chung và không có nợ chung nên chị TH không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Mai Xuân V trình bày:

Anh và chị TH quen biết nhau khoảng hơn một năm, khi đó anh còn đang học Đại học. Việc kết hôn giữa hai bên là tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã Núi Tượng, huyện TP, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/10/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cùng với cha mẹ anh tại địa chỉ số 159 tổ 2, ấp 3 (ấp 4 cũ), xã Núi Tượng, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng sống chung được khoảng 02 tháng thì xảy ra mâu thuẫn, xích mích do chị TH hay căn nhằn với anh vì thời gian này anh thường đi làm thêm về khuya. Chị TH có viết đơn ly hôn nhưng anh không đồng ý vì vậy hai bên có cự cãi qua lại, anh đã tát chị TH hai cái, chị TH lấy lý do này đã trở về nhà cha mẹ ruột ở tại địa chỉ thôn 16, xã Trực Đạo, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định để sinh sống. Từ khi chị TH về nhà cha mẹ đẻ ở cho đến nay chị chưa quay về địa phương lần nào, bản thân anh cũng không thể liên lạc được với chị TH. Nay chị TH yêu cầu ly hôn thì anh V không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị TH.

Anh và chị TH không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, ngoài đơn khởi kiện chị TH đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND chị TH (Bản sao), Bản trích lục đăng ký kết hôn; Đơn xác nhận nơi cư trú của anh Mai Xuân V. Toàn bộ chứng cứ này Tòa án đã hỗ trợ nguyên đơn gửi cho cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn, biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự. Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã được ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, chị TH và anh V không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị Kim TH được ly hôn anh Mai Xuân V.

+ Về quan hệ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị TH và anh V không có con chung nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự kê khai không có và không yêu cầu giải quyết nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có phát sinh tranh chấp.

+ Về án phí: Chị TH phải chịu tiền án phí DSST về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, vắng mặt chị Vũ Thị Kim TH, anh Mai Xuân V có mặt nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết:

Anh Mai Xuân V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 159 tổ 2, ấp 3 (ấp 4 cũ), xã Núi Tượng, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP.

[1.2]. Xác định quan hệ pháp luật: Chị Vũ Thị Kim TH yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn " theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.3]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 17/7/2018, chị TH khởi kiện yêu cầu ly hôn, căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị TH là nguyên đơn, anh V là bị đơn trong vụ án.

- Tại phiên tòa, chị TH vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt chị TH.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1.] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Kim TH và anh Mai Xuân V tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Núi Tượng, huyện TP, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40/2015 ngày 17/10/2015. Như vậy hôn nhân của

anh chị là hợp pháp, nay chị TH yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân Gia đình để giải quyết.

Xét lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Chị TH và anh V sau khi kết hôn vào ngày 17/10/2015 vợ chồng sống cùng với gia đình cha mẹ đẻ của anh V tại địa chỉ số 159 tổ 2, ấp 3 (ấp 4 cũ), xã Núi Tượng, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Tuy thời gian chung sống không được bao lâu (khoảng 02 tháng) nhưng đã xảy ra mâu thuẫn, xích mích dẫn đến mỗi người ở mỗi nơi, chị TH trở về nhà cha mẹ đẻ tại địa chỉ thôn 16, xã Trực Đạo, huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định để sinh sống kể từ tháng 12/2015 cho đến nay. Trong thời gian chị TH và anh V sống ly thân các bên không có qua lại, thông tin liên lạc gì cho đến ngày 17/7/2018 thì chị TH viết đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện TP và yêu cầu được ly hôn với anh V.

Tòa án đã thụ lý, giải quyết đơn đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị TH. Tại phiên tòa, anh V không đồng ý ly hôn với chị TH. Mặc dù chị TH vắng mặt nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt chị TH giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh V.

Nhận thấy hôn nhân giữa chị TH và anh V không mấy hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt, nếu tiếp tục quan hệ hôn nhân giữa chị TH và anh V thì cũng không có hạnh phúc, vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị TH là phù hợp với quy định của pháp luật

[2.2.] Về con chung: Chị TH, anh V không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3.] Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[**3**]. Về án phí: Chị TH chịu án phí DSST về yêu cầu ly hôn.

[**4**]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân Gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị Kim TH.

- Chị Vũ Thị Kim TH được ly hôn anh Mai Xuân V ;

- Về con chung: Không có, không xem xét;

- Về tài sản chung, nợ chung: Khi có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

2/. Về án phí: Chị Vũ Thị Kim TH phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Số tiền 300.000 đồng chị TH đã nộp theo biên lai thu số 007096 ngày 17/7/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TP được chuyển thành án phí.

3/. Anh V có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án. Chị TH có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TP;
- Chi cục THA huyện TP;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Núi Tương, huyện TP; số 40/2015 ngày 17/10/2015;
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hà Văn Phi